M8 非齐平电感式接近开关 2–8 mm



M8非齐平电感式接近开关，M8 螺纹外壳。额定检测距离 2 / 4 / 6 / 8 mm；NPN、PNP、直流两线输出；2 米电缆、M8 接头、M12 接头、M8 猪尾式。共 579 个料号，每个料号对应一个固定配置。

检测距离 **2–8 mm**　输出 **NPN · PNP · 直流两线**

连接方式 **2 米电缆 · M8 接头 · M12 接头**　料号数 **579**

要点

- 它是一种M8 螺纹外壳的接近开关，能不接触检测金属目标。非齐平安装时感应面伸出，检测距离更远，但周围要留出无金属区。按西格门料号数据，SGI-GP08U 系列额定检测距离为 2 / 4 / 6 / 8 mm。
- 额定检测距离：2 / 4 / 6 / 8 mm。
- 工作电压：10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC。
- 输出：NPN、PNP、直流两线。其中 144 个 NPN/PNP 型号为常开 + 常闭互补输出。
- 连接方式：2 米电缆（178 个）、M8 接头（192 个）、M12 接头（188 个）、M8 猪尾式（21 个）；外壳：黄铜镀镍（142 个）、不锈钢（437 个）。351 个型号为短型或超短型管长。
- 验证样品 1–5 件，5–7 个工作日；批量按年用量排产。

族参数

外壳	M8 螺纹，黄铜镀镍（142 个）、不锈钢（437 个）
安装方式	非齐平（非埋入式）
额定检测距离	2 / 4 / 6 / 8 mm
输出	NPN、PNP、直流两线
工作电压	10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC
连接方式	2 米电缆、M8 接头、M12 接头、M8 猪尾式
管长	标准管长、短型（K）、超短型（KK）
其他电气参数	见各料号规格书，随报价提供

料号说明

SGI-GP08U-060PA-C2-K-V36

SGI　西格门电感式接近开关

GP　通用标准型系列

08 · U　M8 非齐平 （S = 齐平）

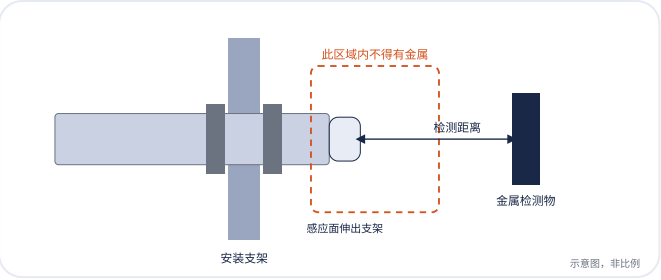
060　检测距离，单位 0.1 mm：6 mm

P · A　PNP · 常开（N = NPN，P = PNP，D = 直流两线，J = 交流两线，U = 交直流；A = 常开，B = 常闭，C = 常开 + 常闭）

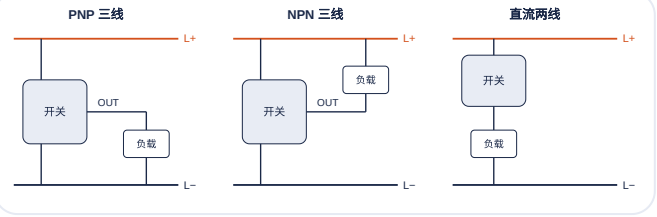
C2　C2 = 2 米电缆，Q3 = M8 接头，Q4 = M12 接头，P3 = M8 猪尾式

K · V36　K = 短型管长；KK = 超短型管长；V36 = 5–36 V DC；V55 = 10–55 V DC；NPN/PNP 无电压代码 = 10–30 V DC

安装方式



接线



全部料号

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-020NA-C2-K	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-C2	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q3-K	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q3-KK	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NA-Q3	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q4-K	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q4-KK	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NA-Q4	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-P3-K	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-P3	2 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-C2-K-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-C2-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q3-K-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q3-KK-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NA-Q3-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q4-K-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q4-KK-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NA-Q4-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-P3-V36	2 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-C2-K-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-C2-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q3-K-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q3-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-Q4-K-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NA-Q4-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NA-P3-V55	2 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-C2-K	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-C2	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q3-K	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q3-KK	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-020NB-Q3	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q4-K	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q4-KK	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NB-Q4	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-P3-K	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-P3	2 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-C2-K-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-C2-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q3-K-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q3-KK-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NB-Q3-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q4-K-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q4-KK-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NB-Q4-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-P3-V36	2 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-C2-K-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-C2-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q3-K-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q3-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-Q4-K-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NB-Q4-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NB-P3-V55	2 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-C2-K	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-C2	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-Q3-K	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-Q3-KK	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NC-Q3	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-Q4-K	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-Q4-KK	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NC-Q4	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-P3-K	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-P3	2 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-C2-K-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-C2-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-Q3-K-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-Q3-KK-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NC-Q3-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020NC-Q4-K-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020NC-Q4-KK-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020NC-Q4-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-020NC-P3-V36	2 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-C2-K	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-C2	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q3-K	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q3-KK	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PA-Q3	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q4-K	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q4-KK	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PA-Q4	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-P3-K	2 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-C2-K-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-C2-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q3-K-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q3-KK-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PA-Q3-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q4-K-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q4-KK-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PA-Q4-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-P3-V36	2 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-C2-K-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-C2-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q3-K-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q3-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-Q4-K-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PA-Q4-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PA-P3-V55	2 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-C2-K	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-C2	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q3-K	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q3-KK	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PB-Q3	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q4-K	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q4-KK	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PB-Q4	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-P3-K	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-P3	2 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-C2-K-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-C2-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q3-K-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q3-KK-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-020PB-Q3-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q4-K-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q4-KK-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PB-P3-V36	2 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-C2-K-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-C2-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q3-K-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q3-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-Q4-K-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PB-Q4-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PB-P3-V55	2 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-C2-K	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-C2	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-Q3-K	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-Q3-KK	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PC-Q3	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-Q4-K	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-Q4-KK	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PC-Q4	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-P3-K	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-P3	2 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-C2-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-Q3-K-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-Q3-KK-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PC-Q3-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-Q4-K-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020PC-Q4-KK-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-020PC-Q4-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020PC-P3-V36	2 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 猪尾式	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DA-C2-K	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020DA-C2	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DA-Q3-K	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020DA-Q3	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DA-Q4-K	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020DA-Q4	2 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DB-C2-K	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020DB-C2	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DB-Q3-K	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-020DB-Q3	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-020DB-Q4-K	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-020DB-Q4	2 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-C2-K	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-C2-KK	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-C2	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q3-K	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q3-KK	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-Q3	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q4-K	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q4-KK	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-Q4	4 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-C2-K-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-C2-KK-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-C2-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q3-K-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q3-KK-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-Q3-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q4-K-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q4-KK-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NA-Q4-V36	4 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-C2-K-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-C2-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q3-K-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q3-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NA-Q4-K-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NA-Q4-V55	4 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-C2-K	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-C2-KK	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-C2	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-Q3-K	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q3-KK	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-Q3	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-Q4-K	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q4-KK	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-Q4	4 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-C2-K-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-C2-KK-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-C2-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-Q3-K-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q3-KK-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-Q3-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-040NB-Q4-K-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q4-KK-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NB-Q4-V36	4 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-C2-K-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-C2-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-Q3-K-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q3-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NB-Q4-K-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NB-Q4-V55	4 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-C2-K	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-C2-KK	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-C2	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-Q3-K	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-Q3-KK	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-Q3	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-Q4-K	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-Q4-KK	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-Q4	4 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-C2-K-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-C2-KK-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-C2-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-Q3-K-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-Q3-KK-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-Q3-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040NC-Q4-K-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040NC-Q4-KK-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040NC-Q4-V36	4 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-C2-K	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-C2-KK	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-C2	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q3-K	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-Q3-KK	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-Q3	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q4-K	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-Q4-KK	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-Q4	4 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-C2-K-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-C2-KK-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-C2-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q3-K-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-040PA-Q3-KK-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-Q3-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q4-K-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-Q4-KK-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PA-Q4-V36	4 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-C2-K-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-C2-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q3-K-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-Q3-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PA-Q4-K-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PA-Q4-V55	4 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-C2-K	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-C2-KK	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PB-C2	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q3-K	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q3-KK	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PB-Q3	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q4-K	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q4	4 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-C2-K-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-C2-KK-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PB-C2-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q3-K-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q3-KK-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PB-Q3-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q4-K-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q4-KK-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PB-Q4-V36	4 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-C2-K-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-C2-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q3-K-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q3-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PB-Q4-K-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PB-Q4-V55	4 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PC-C2-K	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-C2-KK	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-C2	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PC-Q3-K	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-Q3-KK	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-Q3	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-040PC-Q4-K	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-Q4-KK	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-Q4	4 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PC-C2-K-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-C2-KK-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-C2-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PC-Q3-K-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-Q3-KK-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-Q3-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040PC-Q4-K-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040PC-Q4-KK-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-040PC-Q4-V36	4 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DA-C2-K	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DA-C2	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DA-Q3-K	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DA-Q3	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DA-Q4-K	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DA-Q4	4 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DB-C2-K	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DB-C2	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DB-Q3-K	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DB-Q3	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-040DB-Q4-K	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-040DB-Q4	4 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-C2-K	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-C2-KK	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-C2	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q3-K	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-Q3-KK	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-Q3	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q4-K	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-Q4-KK	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-Q4	6 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-C2-K-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-C2-KK-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-C2-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q3-K-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-Q3-KK-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-Q3-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q4-K-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-060NA-Q4-KK-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NA-Q4-V36	6 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-C2-K-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-C2-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q3-K-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-Q3-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NA-Q4-K-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NA-Q4-V55	6 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-C2-K	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-C2-KK	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-C2	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q3-K	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q3-KK	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-Q3	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q4-K	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q4-KK	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-Q4	6 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-C2-K-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-C2-KK-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-C2-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q3-K-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q3-KK-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-Q3-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q4-K-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q4-KK-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NB-Q4-V36	6 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-C2-K-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-C2-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q3-K-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q3-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NB-Q4-K-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NB-Q4-V55	6 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NC-C2-K	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-C2-KK	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NC-C2	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NC-Q3-K	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-Q3-KK	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NC-Q3	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NC-Q4-K	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-Q4	6 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-060NC-C2-K-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-C2-KK-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NC-C2-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NC-Q3-K-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-Q3-KK-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NC-Q3-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060NC-Q4-K-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060NC-Q4-KK-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060NC-Q4-V36	6 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-C2-K	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-C2-KK	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-C2	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q3-K	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q3-KK	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-Q3	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q4-K	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q4-KK	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-Q4	6 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-C2-K-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-C2-KK-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-C2-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q3-K-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q3-KK-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-Q3-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q4-K-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q4-KK-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PA-Q4-V36	6 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-C2-K-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-C2-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q3-K-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q3-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PA-Q4-K-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PA-Q4-V55	6 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-C2-K	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-C2-KK	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-C2	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q3-K	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-Q3-KK	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-Q3	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q4-K	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-060PB-Q4-KK	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-Q4	6 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-C2-K-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-C2-KK-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-C2-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q3-K-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-Q3-KK-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-Q3-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q4-K-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-Q4-KK-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PB-Q4-V36	6 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-C2-K-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-C2-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q3-K-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-Q3-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PB-Q4-K-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PB-Q4-V55	6 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-C2-K	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-C2-KK	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-C2	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-Q3-K	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-Q3-KK	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-Q3	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-Q4-K	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-Q4-KK	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-Q4	6 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-C2-K-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-C2-KK-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-C2-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-Q3-K-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-Q3-KK-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-Q3-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060PC-Q4-K-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060PC-Q4-KK-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	超短型（KK）
SGI-GP08U-060PC-Q4-V36	6 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DA-C2-K	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060DA-C2	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DA-Q3-K	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060DA-Q3	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DA-Q4-K	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-060DA-Q4	6 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DB-C2-K	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060DB-C2	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DB-Q3-K	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060DB-Q3	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-060DB-Q4-K	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	短型（K）
SGI-GP08U-060DB-Q4	6 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	不锈钢	标准管长
SGI-GP08U-080NA-C2-K	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-C2-KK	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-C2	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q3-K	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q3-KK	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-Q3	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q4-K	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q4-KK	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-Q4	8 mm	NPN 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-C2-K-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-C2-KK-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-C2-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q3-K-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q3-KK-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-Q3-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q4-KK-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NA-Q4-V36	8 mm	NPN 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-C2-K-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-C2-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q3-K-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q3-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NA-Q4-K-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NA-Q4-V55	8 mm	NPN 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-C2-K	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-C2-KK	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-C2	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q3-K	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q3-KK	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-Q3	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q4-K	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q4-KK	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-Q4	8 mm	NPN 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-080NB-C2-K-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-C2-KK-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-C2-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q3-K-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q3-KK-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-Q3-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q4-KK-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NB-Q4-V36	8 mm	NPN 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-C2-K-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-C2-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q3-K-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q3-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NB-Q4-K-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NB-Q4-V55	8 mm	NPN 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-C2-K	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-C2-KK	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-C2	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-Q3-K	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-Q3-KK	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-Q3	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-Q4-K	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-Q4-KK	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-Q4	8 mm	NPN 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-C2-K-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-C2-KK-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-C2-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-Q3-K-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-Q3-KK-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-Q3-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080NC-Q4-K-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080NC-Q4-KK-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080NC-Q4-V36	8 mm	NPN 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-C2-K	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-C2-KK	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-C2	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q3-K	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-Q3-KK	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-Q3	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q4-K	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-080PA-Q4-KK	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-Q4	8 mm	PNP 常开	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-C2-K-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-C2-KK-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-C2-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q3-K-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-Q3-KK-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-Q3-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-Q4-KK-V36	8 mm	PNP 常开	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PA-C2-K-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-C2-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q3-K-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-Q3-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PA-Q4-K-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PA-Q4-V55	8 mm	PNP 常开	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-C2-K	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-C2-KK	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-C2	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-Q3-K	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q3-KK	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-Q3	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-Q4-K	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q4-KK	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-Q4	8 mm	PNP 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-C2-K-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-C2-KK-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-C2-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-Q3-K-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q3-KK-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-Q3-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q4-KK-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PB-Q4-V36	8 mm	PNP 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-C2-K-V55	8 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q3-K-V55	8 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q3-V55	8 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PB-Q4-K-V55	8 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PB-Q4-V55	8 mm	PNP 常闭	10–55 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-C2-K	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）

料号	检测距离	输出	工作电压	连接方式	外壳	管长
SGI-GP08U-080PC-C2-KK	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-C2	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-Q3-K	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PC-Q3-KK	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-Q3	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-Q4-K	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PC-Q4-KK	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-Q4	8 mm	PNP 常开 + 常闭	10–30 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-C2-K-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PC-C2-KK-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-C2-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-Q3-K-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PC-Q3-KK-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-Q3-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080PC-Q4-K-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080PC-Q4-KK-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	超短型（KK）
SGI-GP08U-080PC-Q4-V36	8 mm	PNP 常开 + 常闭	5–36 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DA-C2-K	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DA-C2	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DA-Q3-K	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DA-Q3	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DA-Q4-K	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DA-Q4	8 mm	直流两线 常开	10–60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DB-C2-K	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DB-C2	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	2 米电缆	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DB-Q3-K	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DB-Q3	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M8 接头	黄铜镀镍	标准管长
SGI-GP08U-080DB-Q4-K	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	短型（K）
SGI-GP08U-080DB-Q4	8 mm	直流两线 常闭	10–60 V DC	M12 接头	黄铜镀镍	标准管长

常见问题

M8 接近开关的非齐平是什么意思？

非齐平型（非屏蔽型）感应面伸出外壳，周围要留出无金属区，但检测距离比同尺寸齐平型更远。

有哪些检测距离？

本系列共 579 个料号，额定检测距离：2 / 4 / 6 / 8 mm。

有哪些工作电压？

本系列工作电压：10–30 V DC、5–36 V DC、10–55 V DC、10–60 V DC。

有哪些连接方式？

连接方式：2 米电缆（178 个型号）、M8 接头（192 个型号）、M12 接头（188 个型号）、M8 猪尾式（21 个型号）。

可以直接用西格门料号下单吗？

可以。每个料号对应一个固定配置。在型号表中点“询价”或在表单中填写料号，规格书和交期随报价确认。

西格门（深圳）工业发展有限公司
网址 www.segmensensor.com.cn · 邮箱 info@segmensensor.com · 电话 / 微信 138 2870 4591（张工）
https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/m8-fei-qi-ping/

本规格书由 https://segmensensor.com.cn/products/proximity-sensors/m8-fei-qi-ping/ 页面内容生成（2026-10-30）。参数如有更新，以订货确认书为准。